



### KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long,  
Địa chỉ lấy mẫu: Lô số B1-2, KCN Thăng Long Vinh Phúc, xã Thiện Kế,  
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Ngày lấy mẫu: Ngày 06 tháng 9 năm 2023

Thời gian phân tích: Từ ngày 06/9/2023 đến ngày 13/9/2023.

Tên mẫu: Nước thải công nghiệp

Kí hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:

- NTSX: Nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý của công ty, trước khi thải ra hệ thống thu gom của KCN; tọa độ (X: 2358785; Y: 0567895).

Lưu lượng nước thải: 25 m<sup>3</sup>/ngày, đêm (do công ty cung cấp).

#### Bảng tổng hợp kết quả phân tích

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Đơn vị tính	Kết quả	Giá trị giới hạn
				NTSX	TLIP III
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,3	6-9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	°C	25,5	40
3	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Pt-Co	25,0	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	TCVN 6625:2000	mg/L	<13	200
5	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )*	TCVN 6001-1:2008	mg/L	25,4	300
6	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)*	SMEWW 5220C:2017	mg/L	70,4	350
7	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )/N	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1,73	15
8	Tổng Nitơ (N)	TCVN 6638:2000	mg/L	21,3	60
9	Tổng Photpho (P)*	TCVN 6202:2008	mg/L	4,37	15
10	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520.B&F:2017	mg/L	<1	4,05
11	Tổng Coliform *	TCVN 6187-2:1996	MPN/100mL	2,6.10 <sup>3</sup>	10 <sup>6</sup>
12	Sunfua (S <sup>2-</sup> )	SMEWW 4500.B&D:2017	mg/L	<0,07	0,162
13	Clorua (Cl)*	TCVN 6194:1996	mg/L	47,37	405
14	Sắt (Fe)*	SMEWW 3111B:2017	mg/L	<0,2	0,81
15	Asen (As)	EPA Method 200.8	mg/L	<0,002	0,0405
16	Cadimi (Cd)		mg/L	<5.10 <sup>-4</sup>	0,0405
17	Niken (Ni)		mg/L	<0,003	0,162
18	Chì (Pb)		mg/L	<0,007	0,081
19	Đồng (Cu)*	TCVN 6193A:1996	mg/L	<0,09	1,62
20	Kẽm (Zn)*		mg/L	0,085	2,43

QTMT/QT-08.01-Lbh8

Trang 1/2

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2. Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích chỉ được giải quyết trong thời gian lưu mẫu (trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả).

3. Không trích sao một phần kết quả nào nếu không được sự đồng ý của Lãnh đạo Trung tâm Quan trắc TN&MT tỉnh Vĩnh Phúc.



21	Crôm III (Cr <sup>3+</sup> )	TCVN 6658:2000+ EPA Method 200.8	mg/L	<0,01	0,162
22	Crôm VI (Cr <sup>6+</sup> )	TCVN 6658:2000	mg/L	<0,01	0,0405
23	Thủy ngân (Hg)	EPA Method 200.8	mg/L	<2.10 <sup>-4</sup>	0,00405
24	Mangan (Mn)*	SMEWW 3111B:2017	mg/L	<0,025	0,405
25	Clo dư (Cl <sub>2</sub> )	TCVN 6225-3:2011	mg/L	<0,3	0,81
26	Cyanua (CN <sup>-</sup> )	TCVN 6181:1996	mg/L	<0,0005	0,0567

**Ghi chú:**

- TLIP III: Nồng độ giới hạn cho phép của các chất độc hại trong nước thải công nghiệp theo quy định của trạm xử lý nước thải tập trung.
- Các chỉ tiêu có dấu (\*) đã được cấp chứng chỉ ISO/IEC 17025:2017 mang mã Vilas 329.

TRƯỞNG PHÒNG  
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG *[Signature]*

*[Signature]*

Phan Thị Dung

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Khánh Lâm

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích chỉ được giải quyết trong thời gian lưu mẫu (trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả).
3. Không trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Lãnh đạo Trung tâm Quan trắc TN&MT tỉnh Vĩnh Phúc.



THỊNH TRƯỜNG PHÁT  
KẾT VỮC MÔI TRƯỜNG - HÒA THẠCH CÔNG

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT  
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa,

Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: [ttp2022@thinhtruongphat.com.vn](mailto:ttp2022@thinhtruongphat.com.vn)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số phiếu: 04187/2023/PKQ(23.2761)

- Đơn vị yêu cầu : Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc
- Địa chỉ : Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
- Địa điểm lấy mẫu : Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long - Lô B1-2, KCN Thăng Long Vĩnh Phúc, xã Thiện Kế, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
- Ngày nhận mẫu : 07/09/2023
- Ngày trả kết quả : 19/09/2023
- Tên mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu
1	N080923-058	DAIWA.NTSX.T9.2023	Nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý nước thải của Công ty	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo



1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh. 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

5. KPH: Không phát hiện.

6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

7. KPT: Không phân tích



# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: N080923-058)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	TLIP III standard Internal Regulation (kq=0,9, kf=0,9) - KCN Thăng Long Vĩnh Phúc
				DAIWA.NTSX. T9.2023	
1	Tổng phenol <sup>(b)</sup>	mg/l	TCVN 6216:1996	KPH (MDL = 0,001)	0,081
2	F <sup>(b)</sup>	mg/l	SMEWW 4500-F-.B&D:2017	0,85	4,05
3	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ <sup>(b)</sup>	mg/l	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8081B	KPH	0,0405
4	Hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ <sup>(b)</sup>	mg/l	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8141B	KPH	0,243
5	PCBs <sup>(b)</sup>	mg/l	US EPA Method 3510C +US EPA Method 3630C +US EPA Method 3665 + US EPA Method 8082A	KPH	0,00243
6	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$ <sup>(b)</sup>	Bq/l	TCVN 6053:2011	KPH (MDL = 0,020)	0,1
7	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$ <sup>(b)</sup>	Bq/l	TCVN 6219:2011	KPH (MDL = 0,2)	1

**Chú thích:**

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- TLIP III standard Internal Regulation (kq=0,9, kf=0,9) - KCN Thăng Long Vĩnh Phúc: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Thăng Long Vĩnh Phúc

- N080923-058: Nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý nước thải của Công ty (DAIWA.NTSX.T9.2023)

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2023

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM,

Đỗ Thị Thuý Vân

P. GIÁM ĐỐC

Hữu Thị Ngân

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- KPT: Không phân tích

